

Quyết định giám đốc thẩm

Số 16/2023/DS-GĐT

Ngày 08/02/2023

V/v “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Cường

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Kỳ - Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”, giữa:

1. Nguyên đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958

2.2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Ấp TL, xã MHB, huyện ĐH, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp RD, xã MHB, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hà Thị N1, sinh năm 1957

3.2. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Ấp RD, xã TM, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.3. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp Mới 1, xã MHN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.4. Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 133/8K VT, Phường 8, Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp RS, xã MHB, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.6. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1955

3.7. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Ấp RD, xã TM, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.8. Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 316 đường 827, Phường 7, thành phố TA, tỉnh Long An

3.9. Anh Nguyễn Quốc T3, sinh năm 1981

3.10. Chị Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Số 23/3B, ấp BN, xã BT, Tp. TA, tỉnh Long An.

3.11. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp RD, xã TM, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.12. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1950

Địa chỉ: Ấp RS, xã MHB, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.13. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1985

3.14. Anh Nguyễn Thanh P2 , sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Ấp RD, xã TM, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.15. Chị Nguyễn Thị Cẩm N2, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp TL, xã MHB, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.16. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp RD, xã TM, huyện ĐH, tỉnh Long An.

3.17. Ủy ban nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị U do bà Dương Thị Kim T4 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cụ Nguyễn Văn R1 (chết năm 1991) và cụ Nguyễn Thị P3 (chết năm 1986) có 11 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn V (đã

chết năm 2019, có vợ tên Nguyễn Thị Thu L và 02 con chung tên Nguyễn Quốc T3, Nguyễn Thị Thu H2), bà Nguyễn Thị D2, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị U. Ngoài ra, cụ R1 còn có 01 người con riêng là bà Nguyễn Thị G; cụ P3 có 01 người con riêng là ông Nguyễn Văn G1 (đã chết, không có vợ con). Hai cụ qua đời không để lại di chúc, tài sản hai cụ để lại hơn 1,8 ha đất tại ấp RD, xã TM, huyện ĐH, tỉnh Long An. Trong đó, ông Nguyễn Văn R quản lý kê khai đăng ký hơn 10.000m² đất; ông Nguyễn Văn T1 quản lý kê khai đăng ký 41 cao đất; ông T2 và ông D1 mỗi người quản lý kê khai đăng ký khoảng 20 cao đất.

Ngày 01/10/2002, các anh chị em họp gia đình phân chia di sản của cha mẹ để lại, con trai mỗi người được chia 1.500m² đất, con gái mỗi người được chia 1.200m² đất. Ngày 08/11/2018, các anh chị em họp gia đình phân chia lại di sản, con trai và con gái ai cũng được chia 1.500m² đất. Phần đất của ông R quản lý chia cho ông C1, bà P1, ông C2, bà G, bà D2 mỗi người 1.500m² đất, ông V 1.000m² đất, anh chị em đã nhận đất sử dụng. Phần đất của ông T2 và ông D1 quản lý mỗi người 20 cao đã bán thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà H1 tương ứng 10 cao đất. Phần đất của ông T1 quản lý 41 cao, ông T1 được hưởng 21 cao, ông T1 có nghĩa vụ chia cho bà U 15 cao, chia cho bà H1 5 cao.

Do đó, bà U và bà H1 yêu cầu ông T1 phải chia cho bà U 1.500m² đất và bà H1 500m² đất.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 do ông Nguyễn Văn B1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống. Về phần tài sản thì khi còn sống cụ R1 và cụ P3 đã phân chia đất cho các con, phần đất ông T1, ông V và ông D1 được chia là phần đất gò tại các thửa 619, 8, 9, 10, 45 và 490, tờ bản đồ 24, 33, xã MHB, diện tích 4.420m², loại đất LM, ĐRM, T. Ngoài ra, ông T1 còn được hai cụ cho thêm 1.000m² đất, ông T1 đã đổi phần đất này với ông D1 để lấy luôn phần đất gò và ông V bán cho ông T1 700m² đất. Diện tích đất còn lại của hai cụ, các anh chị em trong gia đình phân chia cho nhau, ông T1 không hề biết. Ông T1 cũng không biết gì về việc các anh chị em họp gia đình phân chia đất vào năm 2012 và năm 2018. Vì vậy, ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hà Thị N1, anh Nguyễn Thanh S, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Thanh B và chị Nguyễn Thị Cẩm N2 thống nhất với ý kiến của bị đơn.

3.2. Bà Nguyễn Thị D2, bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị G thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

3.3. Ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn C1 và ông Nguyễn Văn C2 trình bày: Phần đất ông T1 đang sử dụng thuộc thửa đất 355, tờ bản đồ 33, xã MHB (theo cơ sở dữ liệu mới), diện tích khoảng 41 cao có nguồn gốc của cha mẹ để lại. Trong đó, ông T1 được cha mẹ cho một phần, một phần ông T1 mua lại của ông V và một phần ông T1 đổi đất với ông T2, tổng cộng khoảng 22 cao, phần đất còn lại ông T1 phải chia cho các chị em gái.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu L, anh Nguyễn Quốc T3 và chị Nguyễn Thị Thu H2 (là vợ con của ông V) không có ý kiến tranh chấp gì trong vụ án này.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện ĐH trình bày: Nguồn gốc thửa đất 619, tờ bản đồ số 24, xã MHB và các thửa 8, 9, 10, 45, 490, tờ bản đồ số 33, xã MHB (cơ sở dữ liệu cũ) do ông Nguyễn Văn T1 đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc cha mẹ cho theo đơn xin đăng ký ngày 15/12/2002 và được Ủy ban nhân dân xã MHB xác nhận ngày 20/02/2003. Việc Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T1 là đúng quy định.

Tại Bản án sơ thẩm số 129/2020/DS-ST ngày 11/9/2020, Tòa án nhân dân huyện ĐH quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U và Nguyễn Thị H1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn T1 diện tích 2.000m² (trong đó bà H1 500m², bà U 1.500m²) thuộc phần thửa 355, tờ bản đồ 33, MHB (theo bản đồ cũ là phần các thửa 619, 8, 9, 10, 45 và 490, tờ bản đồ 24, 33 MHB).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/9/2020, bà Nguyễn Thị U và Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo.

Tại Bản án phúc thẩm số 79/2021/DS-PT ngày 05/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị U.

Sửa Bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông Nguyễn Văn T1.

Xác định, diện tích đất 4.244,4m² theo Mạnh trích đo địa chính số 869-2020, hệ tọa độ VN 2000, khu vực nông thôn, ấp RD, tờ bản đồ số 24, 33 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN ngày 20/8/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 27/8/2020 (có sơ đồ kèm theo) do ông Nguyễn Văn T1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày

20/3/2003, tổng diện tích 4.420m² là di sản của cụ Nguyễn Thị P3 và cụ Nguyễn Văn R1 chết để lại.

Di sản trên được chia làm 03 phần:

1. Bà Nguyễn Thị U được chia một phần thửa 619, tờ bản đồ số 24, loại đất LUK có diện tích 312,9m² và một phần thửa 619, tờ bản đồ số 24, loại đất LUK có diện tích 56,8m²; một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 33 có diện tích 274,4m², loại đất BHK; một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 33, có diện tích 404,1m², loại đất LUK và một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 33 có diện tích 80,7m²; một phần thửa số 45, tờ bản đồ số 33 có diện tích 135,3m² loại đất LUK.

2. Bà Nguyễn Thị H1 được chia một phần thửa số 9 (1p) có diện tích 373,8m², loại đất BHK.

Vị trí đất bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H1 được chia tại khu A theo Phụ lục phân khu ngày 26/02/2021 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN.

3. Giao cho ông Nguyễn Văn T1 được nhận đất thổ có nhà và các công trình xây dựng khác của ông T1 và gia đình ông T1 tại các vị trí 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và một phần vị trí số 9b có tổng diện tích đo đạc thực tế là 2.606,4m² (khu B theo Phụ lục phân khu ngày 26/02/2021 của Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất TN).

Các thửa đất nêu trên đều tọa lạc tại ấp RD, xã MHB, huyện DH, tỉnh Long An.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 869-2020, hệ tọa độ VN 2000, khu vực nông thôn, ấp RD, tờ bản đồ số 24, 33 của Công ty đo đạc Nhà đất TN ngày 20/8/2020, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện DH duyệt ngày 27/8/2020 (có sơ đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H1 được đồng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.638m² tại một phần thửa 619, tờ bản đồ số 24, loại đất LUK có diện tích 312,9m² và 56,8m²; một phần thửa số 10, tờ bản đồ số 33 có diện tích 274,4m² loại đất BHK; một phần thửa số 8, tờ bản đồ số 33 có diện tích 404,1m² và 80,7m², loại đất LUK và một phần thửa số 45, tờ bản đồ số 33 có diện tích 135,3m² loại đất lúa; một phần thửa số 9 (1p) có diện tích 373,8m², loại đất BHK.

Cơ quan đăng ký đất đai và cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án để điều chỉnh biến động đất đai tại các thửa đất số 619, 10, 8, 9, 45, 490 thuộc tờ bản đồ số 24 và 33, tọa lạc tại Ấp RD, xã MHB, huyện DH, tỉnh Long An và cấp lại giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm kê khai đăng ký để được Ủy ban nhân dân huyện ĐH cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 tháo dỡ, di dời 01 phần chuồng heo tại vị trí số 9a lấn qua một phần thửa số 9 (1p) có diện tích 10m² để trả đất cho bà Nguyễn Thị H1.

Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị U và bà Nguyễn Thị H1 chừa phần đường đi thuộc một phần thửa 619 có diện tích 56,8m², loại đất LUK và một phần thửa số 8 có diện tích 80,7m² loại đất LUK làm lối đi vào thổ mộ.

Ngày 29/4/2021 và ngày 23/5/2021, ông Nguyễn Văn T1 có đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Ngày 11/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 133/QĐ-VKS-DS kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm nêu trên, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 129/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Nguyễn Văn R1 (chết năm 1991) và cụ Nguyễn Thị P3 (chết năm 1986) có tất cả 12 người con gồm: Bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị D2, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn C2, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Thị G.

[2] Tài sản của cụ R1 và cụ P3 để lại hơn 1,8 ha đất tọa lạc tại Ấp RD, xã MHB, huyện ĐH, tỉnh Long An do cụ R1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng. Hai cụ chết không để lại di chúc. Sau khi hai cụ chết thì phần đất trên do ông R, ông T1, ông T2, ông D1 quản lý sử dụng và đăng ký kê khai quyền sử dụng đất mỗi người một phần. Trong đó, ông T1 quản lý sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W450293 ngày 20/3/2003,

diện tích 4.420m² đất (diện tích đo đạc thực tế là 4.244,4m² đất) thuộc các thửa 619, 8, 9, 10, 45 và 490, tờ bản đồ 24, 33, xã MHB.

[3] Ngày 01/10/2002, các con của cụ R1 và cụ P3 họp gia đình lập “*Tờ phân chia đất*” chia diện tích đất của hai cụ thành 12 phần, con trai mỗi người được chia 1.500m² đất, con gái mỗi người được chia 1.200m² đất (Tờ phân chia đất có chữ ký của ông T1). Ngày 08/11/2018, các con của cụ R1 và cụ P3 họp gia đình lập “*Biên bản chia tài sản chung*” phân chia lại diện tích đất của hai cụ thành 12 phần bằng nhau, con trai và con gái mỗi người được chia 1.500m² đất (Biên bản chia tài sản chung không có chữ ký của ông T1).

[4] Các con của cụ R1 và cụ P3 không tranh chấp chia di sản thừa kế của hai cụ để lại, chỉ có bà U và bà H1 với ông T1 tranh chấp với nhau. Nguyên đơn bà U và bà H1 cho rằng sau khi cha mẹ chết, các anh chị em đã thống nhất phân chia phần đất của cha mẹ để lại, đối với các phần đất do ông R, ông T2 và ông D1 quản lý sử dụng đã được phân chia các anh chị em mỗi người 1.500m² đất, trong đó phần của bà H1 mới được chia 1.000m² đất còn thiếu 500m² đất, bà U chưa được chia đất, riêng phần đất do ông T1 quản lý sử dụng chưa phân chia, nên ông T1 phải có nghĩa vụ chia cho bà U 1.500m² đất và bà H1 500m² đất. Tại các Bản tự khai (BL 172-178), bà D2, bà G, ông R, ông D1, ông C2, bà L (vợ ông V), bà P1 đều xác nhận phần đất do ông T1 quản lý sử dụng chưa phân chia cho các anh chị em, nên ông T1 phải có nghĩa vụ chia cho bà U 1.500m² đất và bà H1 500m² đất đúng với thỏa thuận tại “*Biên bản chia tài sản chung*” ngày 01/10/2002. Ông T1 không đồng ý và cho rằng phần đất ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cha mẹ cho, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tại Biên bản lấy lời ngày 24/12/2020, bà U, bà H1 đều thừa nhận trong 4.244,4m² đất đang tranh chấp có 700m² đất do ông T1 nhận chuyển nhượng của ông V (BL 372, 373), việc này cũng đã được ông V xác nhận tại Giấy cam kết ngày 23/12/2018 (BL 84).

[5] Với các tài liệu, chứng cứ trên, có cơ sở xác định di sản của cụ R1 và cụ P3 để lại chưa được phân chia chỉ có 3.544,4m² đất (4.244,4m² đất - 700m² đất), còn phần đất có diện tích 700m² là của ông T1 nhận chuyển nhượng từ ông V. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích 4.244,4m² đất ông T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cha mẹ cho, từ đó xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U và bà H1 là không có căn cứ.

Còn Tòa án cấp phúc thẩm xác định di sản của hai cụ để lại chưa được phân chia tổng diện tích 4.244,4m² đất bao gồm luôn cả 700m² đất của ông T1 nhận chuyển nhượng từ ông V là không chính xác; đồng thời căn cứ “*Biên bản chia tài sản chung*” ngày 08/11/2018 không có chữ ông T1, không được ông T1 thừa nhận để giải quyết phân chia di sản là không đúng, vì biên bản này không có giá trị pháp lý để buộc ông T1 thực hiện. Mặt khác, ông T1 có công trong

việc gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất, nhưng khi giải quyết phân chia di sản, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đến công sức đóng góp của ông T1 là chưa đảm bảo quyền lợi của ông T1.

[4] Vì vậy, cần phải hủy toàn bộ bản án phúc thẩm nêu trên để xét xử theo thủ tục phúc thẩm lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325, điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 133/QĐ-VKS-DS ngày 11/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án phúc thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về vụ án “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”, giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị U với bị đơn là ông Nguyễn Văn T1. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An để xét xử phúc thẩm lại.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC (để b/c);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- TAND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS vụ án (05 bản).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Cường